NĂM THỨ NĂM SỐ 202

Thứ năm, 30 tháng Tám 1945

TRI TÂN

TẠP CHÍ

1$20

TRI-TÂN TẠP-CHÍ
RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 202

Dâng tính mệnh và tài sản cho Tổ quốc — *Phạm-mạnh-Phan*
Một vị danh thần triều Nguyễn (V) — *Trúc-Khê*
Dân tộc Việt nam rất đủ tư cách để tự trị — *Vũ-bội-Liêu*
Tài liệu đính chính văn cổ (LXXXII) — *Ứng-hòe*
An nam đô hộ (I) — *Nguyễn-xuân-Uẩn*
Đại nam dật sự (LXIX) — *Nguyễn-văn-Tố*
Việt nam văn học sử (XVII) — *Ứng-hòe*
Kịch Yên-ly (II) — *Lưu-quang-Thuận*

***

GIÁ BÁO

Một năm	55$00
Sáu tháng	30,00
Ba tháng	15,00
Một số	1,20

***

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chanceaulme — Hà-nội

***

Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 54, phố Cầu-đất — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cừ 40, phố Đông kiều — Hải-dương

TOÀN THỂ GIỚI NHÀ VĂN NHÀ BÁO VÀ NGHỆ SĨ

Nhiệt thành ủng hộ chính quyền cách mạng đánh điện yêu cầu vua BẢO ĐẠI tuyên bố thoái vị ngay sửa soạn tờ thỉnh cầu đệ lên phái bộ ĐỒNG MINH sắp tới.

***

Theo lời hiệu triệu của một nhóm văn sĩ và nghệ sĩ, hồi 10 giờ sáng hôm 26 tháng tám dương lịch hầu hết các bạn trong văn giới, báo giới, các nghệ sĩ đã hội họp tại VĂN HÓA HỘI QUÁN (tức là hội sở Khai trí tiến đức cũ) để nghị quyết về mấy vấn đề cấp bách. Đến dự hội nghị người ta thấy có đủ mặt đại biểu của các báo hàng ngày — trừ báo Đông phát —, các báo hàng tuần, các nhà xuất bản các nhà văn, thi sĩ kịch sĩ, họa sĩ và các nhà điêu khắc, kiến trúc. Khai mạc buổi họp, anh Trương Tửu mang trình chương trình nghị sự gồm có bốn vấn đề chính như sau này :

1) Tỏ thái độ đối với chính quyền cách mạng.

2) Quyết định thái độ đối với triều đình Huế.

3) Hô hào việc thống nhất chính quyền trong toàn cõi Việt nam.

4) Sửa soạn đón tiếp phái bộ đồng minh và đặt lời thỉnh nguyện lên phái bộ.

Kế đó bạn Trương Tửu yêu cầu hội nghị cử một vị chủ tịch và một vị thư ký trong buổi họp. Toàn hề hội nghị đều bàu Trương Tửu ngồi ghế chủ tịch và bạn Nguyễn Hoạt ngồi ghế thư ký.

Bầu xong, hội nghị bắt đầu thỏa-thuận.

BÁO CÁO CẦN KÍP

Các bạn đọc đã nhận được giấy nhắc tiền báo, xin mua ngân phiếu gửi về tòa báo ngay cho. Cảm ơn

Ty trị-sự TRI-TÂN

Nếu có nạn xâm lăng chúng ta hãy đồng lòng

DÂNG TÍNH MỆNH VÀ TÀI SẢN CHO TỔ QUỐC

PHẠM-MẠNH-PHAN

NỀN độc lập của đất nước chúng ta đã thực hiện. Việc cần thiết và khẩn cấp ngày này là bổn phận chúng ta phải huy động lực lượng toàn thể đồng bào để giữ vững nền độc lập của tổ quốc.

Bọn thực dân Pháp mặc dầu đã bị tước khí giới vẫn nuôi trong đầu óc ngông cuồng của họ cái mộng lớn lao là trở lại đất nước này mà giày xéo lên giang sơn gấm vóc của ba mươi triệu đồng bào chúng ta.

Trong xứ thì đáng đề phòng một cách nghiêm trọng và khe khắt, mà ở ngoài thì các tin vô tuyến điện đã làm cho chúng ta phải hồi hộp!

Hôm 17 tháng 8 vừa rồi, tướng De Gaulle vừa gửi một bức thông điệp cho toàn thể người Pháp khuyên hãy kiên tâm đợi một dịp may mắn khác mới có thể phái viên toàn quyền mới sang Đông dương được. Vì tầu Richelieu chở quân lính và súng đạn sang trừng trị dân tộc Việt nam này đã bị giữ lại Đông dương cục ở Ceylan bắt ngừng không cho tiến thẳng tới chúng ta!

Ngoài ra họ còn man trá tuyên truyền với dư luận thế giới là dân Việt nam chúng ta còn triu mến người Pháp lắm và yêu cầu họ ở lại cai trị thêm chúng ta một hay là mười năm nữa.!

Trong cuộc hội đàm hôm 25-8-1945 giữa phái bộ quan sát Mỹ với các đại biểu các báo ở Bắc bộ, đại úy Patti trưởng phái bộ có tuyên bố:

— « Hiện giờ thì Pháp không được Đồng minh cho phép đổ bộ lên Đông dương, nếu Đồng minh cho phép thì quân Pháp đã kéo vào rồi. Còn sau này nếu Pháp có kéo binh sang thì chỉ là tự ý họ hết. »

Trong tờ *Cứu quốc* vừa đây lại đăng lời tuyên bố quả quyết của tướng De Gaulle cho Đông dương là hu tế mạch của nước Pháp nên dầu sao nước Pháp cũng phải trở lại đất nước này!

***

Cả cuộc vọng của bọn thực dân Pháp định để cướp phá đất nước chúng ta một lần nữa thật là rõ rệt.

Đối với cái dã-tâm đó, thái độ của chúng ta ra sao?

Ngay từ hôm đảo chính tới nay, chúng ta đã tỏ ra rất bình tĩnh và có độ lượng. Đối với người Pháp đã từng thất thế ở ngay đây, chúng ta đã có thái độ khoan hồng nó làm vinh dự cho giống nòi. Không một kiều dân Pháp nào bị tàn sát, không một gia đình Pháp nào bị phá phách. Chúng ta đã không dùng phương sách bạo động đối với họ. Mà trước bao cuộc âm mưu chúng ta chỉ lặng lẽ đề phòng kẻ dị hình!

Dân tộc Việt nam chúng ta đã từng có những trang lịch sử oanh liệt rạng rỡ ngàn thu không bao giờ chịu khuất phục cam lòng lép mình làm thân nô lệ!

Cái chí quật cường của bao anh hùng dũng cảm trước quốc nạn từ xưa tới nay đã là những bằng chứng rất rõ rệt. Cái đất nước đã từng sản xuất ra những vĩ nhân như Lý thường Kiệt, Trần hưng Đạo, Lê Lợi Nguyễn Huệ không phải là một dân tộc có thể đàn áp được như ý muốn của kẻ xâm lăng.

Cái khẩu hiệu « *Một là độc lập hai là chết* » của toàn thể

(Xem tiếp trang 18)

Vũ phạm Khải

MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

Số 5

TRÚC-KHÊ

Có người bàn việc thiên đô ông nói :

— Trừ ông Cổ-công Đản Phủ đời nhà Chu, chưa thấy có ai thiên đô mà hưng khởi lên được. Triều đình rời khỏi kinh đô một bước, liền có sự rung động ngay, nhỡ có một cuộc khuấy loạn nào, sẽ đến tan tã. Huống chi việc thiên đô, tốn kém gấp mấy việc đánh giữ, vậy việc ấy rất không nên làm.

Kẻ thức giả khen là một lời bàn phải.

***

Năm Tự-đức thứ 12 (1859), mùa thu tháng 7, Vũ Phạm Khải ở Kinh, tiếp được tin đứng nghiêm thân tại thế ở quê nhà, vội vã xin về bôn tang. Ông cư tang rất tận lễ, khóc thương như người còn trẻ nhỏ, rượu thịt kiêng tuyệt không bén đến tý nào. Vì vậy câu đối viếng có câu :

Ngũ thập ông nhi cô nhưng nhiên nhụ mộ.

Nghĩa là ông già 50 tuổi bồ côi, vẫn thương nhớ như người trẻ nhỏ.

Năm sau ông vẫn ở nhà, nghe tin ở trong kinh có nhiều người công-kích hòa-nghị rất dữ. Quan tỉnh hỏi ý kiến ông, ông đáp :

— Đánh nhau bị thua mà công kích việc hòa, sẽ khiến cho lòng vua càng sợ, công kích càng dữ thì hòa nghị càng quyết. Bây giờ cần phải giữ vững cõi bờ, và mộ quân cần vương họp lại cho mạnh như thế hoặc mới có thể vãn hồi được. Nếu không, chỉ oán nhau nói, sợ sau này không còn cố đất mà nói được nữa.

Khi đã mãn lệ cư tang, triều đình thường có chiếu thúc giục, nhưng ông cứ xin nghỉ thêm mãi, bàn được ở nhà cho đến khi hết chế. Vừa đoạn tang cha, mùa thu năm Tự-đức tuổi 14 (1861), ông lại tiếp đến tang mẹ, vì thế lại ở nhà thêm mấy năm nữa. Năm thứ 15 ở Bắc-kỳ có nhiều giặc nổi lên chiếm cướp châu huyện, nhất là miền đông và miền bắc, việc binh càng khẩn cấp lắm. Ông Khải thấy vậy lên tỉnh, bàn với quan Tuần phủ Lê Danh-Đề, nên đoàn kết những quân hương-dũng để phòng giặc. Bỗng ở phủ Nho-quan thuộc tỉnh Ninh-bình có giặc nổi lên, đánh chiếm phủ-thành. Triều đình nghĩ Bắc-kỳ đương lúc có loạn, mà Ninh-bình là đất cố hạng, nay lại sẩy ra việc như thế, nên rất lo ngại. Ông Khải cũng nghĩ mình không tiện ngồi yên bên mộ tập con em, thân dẫn lên tỉnh theo quân đi đánh giặc. Sớ dệ vào triều, vua Dực-Tôn châu phê rằng :

— Lòng người như thế, lo gì chẳng dẹp tan được giặc.

Quan quân chia hai đường tiến đánh, bắt giết được cánh quân Tổng du của giặc, rồi kéo ập đến phủ-thành. Quân giặc vô tình, bị hai mặt đánh dồn lại, hốt hoảng chạy trốn, phủ thành bèn thu phục lại được. Tiệp báo về triều, vua ban lời khen và bảo theo giúp việc quan tỉnh. Ngài lại giáng dụ :

« Bắc kỳ đương có việc đánh dẹp, tỉnh người ở vào chỗ trọng yếu đi lại giữa khoảng nam bắc, nay mới thu phục, vậy hết thảy những việc tiễu dẹp, giữ yên, phải nên thực lực thừa hành, sao cho giặc tắt và dân yên để xa làm cho mạnh thanh thế của Bắc-kỳ các lộ. »

Chuyến đi đánh giặc Nho-quan này, quan Lãnh-binh ở tỉnh là Tôn-thất Huyền do thượng-lộ tiến, quan Án sát Dương Doãn-Hải do hạ-lộ tiến ông Khải cũng cùng đi. Giặc đã tan rồi, quan tỉnh tra xét những người giao thông với giặc, ông Khải nói :

— Muốn yên lòng những kẻ phản trắc, không

gì bằng hủy bỏ những giấy má đi, không tra xét nữa.

Quan phải đi bắt những tên giặc chạy trốn, ông nói :

— Như thế sợ rằng nhiễu dân, cứ để dân yên rồi giặc sẽ tự phải tiêu diệt.

Không đầy mười ngày, quả nhiên dân chém được đầu giặc đem nộp, còn kẻ nào trốn tránh cũng chết ở trong rừng. Ông bình quân chủ ở điều tin mà xử đối một cách rộng rãi, cho nên người ta tin mà vui lòng theo. Từ lúc ra quân đến lúc khải-hoàn cả thảy 15 ngày, chưa từng khinh dị mà đánh ai một roi, kể trước sau có 4 lần đến Ninh-cương, ba lần đến Lạc an, hai lần đến tam-điệp, đi đến đâu nhân dân đều được yên ổn. Kế đó ông lại về làng để tỏ chế nghe việc ở Gia-định, ông than dài thở ngắn mấy ngày, nói :

— Một cõi đất gian nan trăm trận mới khai thác được của Liệt Thánh Hoàng-đế, vậy mà nay chìm ngập vào tay quân giặc rợ ư ?

Ông nhận làm *bài luận Lỗ trọng Liêm* để tỏ rõ mình nghe tin viên tướng Pháp vào kinh, ông cùng với quan tỉnh là Tuần-phủ Võ - Cận, Án - sát Đương Doãn Hải, Thương-biện Nguyễn Bá-Huân đâng sớ lên cao, lại can cả việc để cho Đạt Đức giảng đạo nữa, và bàn về các sự phòng tiễu sở đang vào, được vua ban lời xuống quở trách.

Khi ấy có quan khoa đạo Nguyễn Tấn đâng sớ xin cử ông Khải mộ binh đi đánh giặc Đông Bắc, nhưng rồi việc êm nên lại thôi.

Năm thứ 16 Triều đình nghĩ đến cái công ông Khải ở Nho-quan, thăng chức Hàn - lâm viện thị-giảng học-sĩ ; và vì miền rừng núi Ninh-bình chưa được yên, bổn chuẩn cho tổng lưu ở bản ấp lo việc phòng tiễu. Ông giúp việc phòng tiễu ở tỉnh, hễ việc yên thì lại về quê, trong hai năm trời không lập tòa sở, không nhận lương bổng, tỉnh cấp lính hầu cũng chối từ. Năm ấy ông Đỗ Quang từ Gia-định về thôi thúc bổn lương đem vào kinh, đi qua có vào chơi nhà ông Khải, lưu lại ở đấy đến hàng tuần, nói đến việc nước, hai ông cùng trông nhau mà sùi sụt khóc.

Năm thứ 17, Triều-đình đem hòa-nghị thông đạo cho rong ngoài đều biết, lòng người đều kinh nghi, ông nhận lời quan tỉnh ủy cậy, đi hiểu thị cho lương-dân giáo dân đều được yên lòng. Giặc bể ở Hải dương nhung nhiễu, quan quân đi chinh tiễu bị bại, bọn ông Trương Quốc-Dụng, ông Văn đức-Giai, ông Trần văn-Sàn đều bỏ mình tại trận, ông nghe tin phàn nàn mà rằng :

— Tiếc thay sao giời nỡ hại người hay ! Thật đáng phàn nàn cho mấy ông ấy quá.

Năm ấy ở Nghệ-an việc chống cự Đạt-Đức, quan tổng đốc Vũ Trọng-Bình mời ông vào để bàn tính nhưng ông không vào.

***

Năm thứ 18, lại có mệnh vời Vũ Phạm-Khải vào kinh, thăng chức Hàn lâm viện thị-độc học-sĩ, sung làm toản tu ở Quốc-sử quán ! Tiếp được triệu-mệnh, ông nói :

— Ta vào kinh chuyến này, tất lại bổ vào sử-quán, trong quán có bộ Chính biên đệ tam kỷ là bộ sách soạn rất đắc-ý của ông Bùi-Quý, đối với ta thì Bùi là bậc tiền-bối, há nỡ thay-đổi việc làm của ông !

Khi đã đến kinh, phụng lời châu phê nói :

« Tuy ở điển-viên mà gặp việc cũng chịu cố gắng, vậy thăng cho hàm ấy. »

Lại phụng lời châu-phê nói !

« Đừng vì cái chức nhạt-nhẽo mà trễ-nhác, phụ lòng mình mà cũng phụ cả lộc nước. »

Lúc ông chưa vào quán nhận chức, có gặp ông Phan thanh-Giản, nhân nói :

— Xin lấy lễ cố-nhân cùng ngài tương khiến.

Hai người cùng ngồi đối bàn chuyện. Bấy giờ ông Phan mủ-nỏa được bị sự quở trách nghiêm-nghị, ông Phan nói :

— Tôi đành là một kẻ có tội muôn đời.

Ông Vũ nói :

— Sự đó hễ cầu xoay lại một chút mà thôi. Hòa mà ở tộ, cẳng bằng làm trái ngay lại, lấy nghĩa mà xướng xuất thiên hạ, thiên hạ theo thì tội sẽ khỏi. Kẻ tội muôn đời thì trong Nam người như tướng công, làm gì mà chẳng được khuyết-thực muôn đời.

(Còn nữa)

TRÚC-KHÊ

Ta phải chống lại lối tuyên truyền man trá của bọn thực dân. . .

DÂN TỘC VIỆT-NAM

RẤT ĐỦ TƯ CÁCH ĐỂ TỰ TRỊ

NHỮNG KHẢ-NĂNG CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM

VŨ-BỘI-LIÊU

I

Nước Việt Nam là một nước văn hiến. Trí thông minh của người Việt Nam

MỘT số người Pháp chân chính đã không hết lời khen ngợi dân tộc ta, và tin ở ta một tương lai rực rỡ. Roland Dorgelès ở viện hàn lâm Goncourt đã viết trong cuốn « Sur la route mandarine » : « *Nước Việt Nam là một nước văn hiến, hay chữ, phàm những khoé tài tình của trí tuệ không gì là không biết* » Félicien Challaye cũng nói : « Người Việt Nam có một văn minh riêng biệt,... Tiếng Việt Nam đã tạo nên nhiều văn phẩm giá trị ».

Nhưng ai còn tin rằng tiếng nước mình nghèo thì thật là mù quáng và dại dột. Trái lại chúng ta phải tự hào rằng đã có một thứ tiếng nói vừa phong phú, vừa nhẹ nhàng, uyển chuyển, âm thanh nhiều khi nhịp nhàng, êm ái. Dưới đây là một vài bằng chứng :

Để diễn cái ý « *mang* », thử hỏi nước nào trên thế giới được nhiều tiếng bằng ta ? Nào là : *gánh, vác, khuân, khiêng, mang, đội, đèo, sách, cầm, cắp,* nào là : *bồng, bưng, bê, bế, ẵm, ôm, cõng, tha, đèo,* tất cả những linh hai mươi chữ !

Người Pháp đủ có những tiếng « *jeter* », « *lancer* », còn ta, ta có biết bao nhiêu chữ Đây là : *Ném, quăng, quẳng, tung, đáp, xỉa, lia, liệng, lao, phóng, vứt, văng, vung, vẩy, tẻ, hất.* Mười sáu tiếng, mà mỗi tiếng lại có một nghĩa riêng biệt, không chữ nào giống hẳn chữ nào

Và những chữ sau này để tả một người to, lớn, mới tài tình làm sao ! Ta nói :

To, to lớn, đầy, đầy đà, phì nộn, vạm vỡ, mũn mĩm, tròn trĩnh, phnch phịch. Béo, béo chắc, béo lẳn, béo lùn, béo mộp, béo bệu, béo chương, béo nứt, béo núc, béo quay, béo sưng, béo phệ, béo phị, béo phì, béo chụt, béo chịt, béo húp béo hịp, béo ụt, béo ịt, béo tròn trùng trục v. v.,.

Trong tiếng Việt, lại có nhiều thành ngữ, và đặc biệt nhất là những tiếng rắp đôi, hình dung được các sự vật một cách linh động và ý vị. Nhiều dáng điệu và cử chỉ như vẽ ra trước mắt ta :

Ví dụ : Lo như cá nằm trên thớt. Mặt nặng như đá đẹo. Mặt ngay như cán thuổng. Chát như đấm vào cổ. Chuyện như pháo ran. Dương như mắt ếch. Ngẳng như cổ cò. Ướt như chuột lột. Dai như đỉa đói. Ngốn như bò ngốn rơm, v. v...

Khấp khểnh như răng bà lão. Láo nháo như cháo với cơm. Long tong như ong đốt đít. Sì sì như chì đồ lõ. Lúng túng như thợ vụng mất kim. Nhẳng nhẳng như cẳng bò thui. Lừ khừ như ông từ vào đền. Lôi thôi như

cá trôi lòi ruột. Lầm dầm như đĩ khấn tiên sư. Lấm lét như quạ vào chuồng lợn. Lầm lầm như chó ăn vụng bột. Xoen xoét như mép thợ ngôi. Lẩm cẩm như xẩm đi đường cong. Linh lỉnh như chính mắm tôm. Lò dò như cò bắt tép. Nhăn nhó như khỉ ăn gừng. Nhởn nhơ như con đĩ đánh bồng. Oai oái như rắn bắt nhái. Nhâng nháo như cáo bắt gà. Tỏ thẻ như trẻ lên ba. Phập phồng như đấm bị bông. v. v..

Âm thanh tiếng Việt nam có cái năng lực diễn tả tình ý rất tuyệt diệu. Ta cứ đọc những câu sau này sẽ thấy :

Lội *bì-bõm*, bò *lồm-ngồm*, ngã *uỳ-oạch*, dáng đi *khệ-nệ*, chân đi *thất-thểu*, tiếng nói *oang-oang*, giọng *ỏn-ẻn*, dáng đi *xỡn-eo*, con đường *gồ-ghề*; *khúc khỉu*, *khấp-khểnh*, *gập-ghềnh*, nói *lúng-búng*, gồng-gánh *lồng-cồng*, cổ đạc *lồng chồng*, má *phinh-phính*, mắt *húp híp*, ngã *sóng soài*, nằm *sóng sượt*, mềm *oặt-mềm eo*, cái cổ yếm cổ nó *thòng-thòng-thòng*, v v..

Đây là tôi chưa nói đến ca dao, nhiều câu rất bóng-bẩy, thú-vị, cũng như nhiều câu lại hóm-hỉnh, ngộ-nghĩnh và có duyên vô cùng. Phong-nhân thật là những thi-sĩ có thiên-tài, và bảo ca-dao là một kho báu vô-ngần của văn-chương đất nước, chẳng phải là một câu nói ngoa.

Ta thử hỏi một dân-tộc đã có một thứ tiếng nói tuyệt-diệu như tiếng việt-nam, đã sản-xuất được những áng văn bất-hủ như « Đoạn trường tân-thanh », « Cung oán ngâm khúc », « Chinh-phụ-ngâm », thì có lý nào mà phải sống mãi trong vòng nô-lệ ? Francis de Momandre nói về ngày kỷ-niệm thi sĩ ba-tư Firdousi đã viết : « *Một dân-tộc bị chinh-phục muốn giải-thoát chỉ cần có một từ ngữ đã được quy-định bởi một văn-phẩm kiệt-tác* » :

Không kể một số nhà văn pháp, tiếng nam chẳng biết, cứ nhớ thì thôi, chỉ nghe hơi đồ chừng mà dám lên tiếng mạt-sát văn-chương nước Việt, bảo những tác-phẩm của ta « *không có một sức sáng tạo nào cả* », « *chỉ là những bản mô-phỏng vô-giá trị của các tác-phẩm trung-quốc* ; không kể ông nhà phê-bình quái-gở như Villard chê « *truyện Kiều là một dâm-thư trong đó có nhiều đoạn tả về sự dâm-dục rất ghê tởm* », lại nói : « *quyển đó soạn ra để làm món tiêu-khiển cho một ông vua phóng-đãng, ở một nước mà dân bản-xứ họ biết rõ hơn ta những cái xảo-diệu của sự dâm bên* », và lại còn đem ví truyện Kiều, « một quyển sách vừa lắm kinh, vừa là truyện vừa là Thánh-thư, Phúc-âm của dân-tộc ta » (theo nhời ông Phạm-Quỳnh), với bộ tiểu-thuyết khêu-dâm nhan là Justine của hầu tước de Sade ; không kể những lời phê-bình liều-lĩnh và cay đắng ấy, ta thấy nhiều người ngoại-quốc như Bauns, Sauvigné, Cordier, Crayssac đã phải hạ bút khen-ngợi văn-chương ta.

René Crayssac đã viết trong bài tựa bản dịch truyện Kiều của ông ra tiếng pháp : « *Ang văn bất-hủ của Nguyễn-Du có thể đem so sánh mà không sợ thua kém với các tác-phẩm kiệt-tác trên thế giới, vô-luận ở thời nào, vô-luận ở xứ nào* ». Về ngòi bút tả cảnh, tả tình của Tố-Như tiên-sinh, nhà thi-sĩ pháp ấy nói : « Trong truyện, có vô số bức tranh nho nhỏ vừa thanh-tao vừa diễm-lệ ; chỉ mấy nét bút, chỉ ba bốn câu thơ, là ta đã có, trong cái khuôn-khổ chật hẹp ấy, tất cả một bức phong-cảnh nét họa rất tinh-tế.. Ngòi bút của Nguyễn Du hiến cho ta những mầu sắc biến-hóa vô-cùng. Thi-sĩ tả cái vẻ mĩ-miều, kiều-diễm, cái sầu-muộn ưu tư, cái giọng trang-nghiêm cao nhã, hay tàn-bạo dữ tợn, vẻ nào cũng tuyệt-diệu, không phải cái gì non-nớt bao giờ. » Và gần đây M Robbe cũng viết : « *Tất cả cái hứng-vị của quyển Kim-vân-Kiều là do nhời văn thanh-nhã êm ái sứng-đáng là của một thi sĩ đại tài... Nhiều câu thơ của Nguyễn-Du có thể liệt vào hạng những câu thơ du-dương nhất thế-giới* ».

Quyển « Đoạn-trường tân-thanh » lại còn được một nhà văn phủ tang, ông Komatsu, đem dịch ra tiếng Nhật. Độc-giả bên xứ « Mặt trời mọc » — một nước mà trong ấy các du-khách, ai ai cũng là thi-sĩ — đã nhiệt-liệt hoan-nghênh những vần thơ trác-tuyệt của nhà đại thi-hào Việt-nam. Và dịch-phẩm đó in ra đâu đã bán được hàng vạn cuốn !

(Xem tiếp trang 18)

ĐỂ ĐÍNH CHÍNH NHỮNG BÀI VĂN CỔ

№ 87

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều Hồi thứ ba *(tiếp theo)*

Kim-Trọng và Thúy-Kiều uống rượu đã đến nửa chừng, người nào cũng ngà-ngà say. Kim-Trọng nói : « Tối nay chúng ta đờn-hầm thật là vui vẻ quá chừng. Nhưng tôi còn muốn yêu-cầu một điều hơi quá, không biết cô-nương có chịu nghe không ? » Thúy-Kiều trả lời rằng : « Trừ việc bợp-vần ra, còn thì lang-quân muốn gì cũng được ». Kim-Trọng nói : « Về việc cầu-bợp, cô-nương đã dạy một cách nghiêm-khắc, tôi đâu lại dám nhắc đến ! Điều tôi thỉnh-cầu bây giờ là nghe cô-nương gẩy hồ-cầm rất hay, nên xin cô nương cho tôi nghe một khúc vì chưa được nghe bao giờ » ; Thúy-Kiều đáp rằng : « Hồ-cầm là sở-thích của em, thì em có tiếc gì mà không đạo một cung để chàng nghe. Nhưng thì giờ có hạn : nói chuyện tình còn lo chưa đủ, còn thì-giờ đâu mà đạo đến hồ-cầm ? Huống chi hồ cầm ở trong nhà em, về lấy thì mất nhiều thì-giờ, xin để ngày khác, có được không ? » Kim-Trọng nói : « Tôi không phải là không biết đêm ngắn tình dài, nhưng vì hâm-mộ đã lâu, nay được nghe một nửa dây, cũng thỏa tấm lòng ao-ước. Còn như hồ-cầm thì tôi đã có sẵn ». Nói rồi, lấy ra, hai chân quì xuống, hai tay dâng lên, đưa cho Thúy-Kiều. Thúy-Kiều vội vàng đỡ dậy, nói rằng : « Ngón tay chàng nhẻ mũn-mứt như thế kia, mà phải khuất-thể với em, chẳng hóa ra nhàm tầm ru ? » Kim-Trọng nói : « Tôi sở-dĩ khuất-thể, chẳng qua là muốn tỏ cái tình gặp-nghề của tôi. Cô-nương thương đến tình ý ấy, chịu đạo một cung, thì vinh hạnh nào bằng ! Chứ có việc gì mà cho là nhàm ? » Thúy-Kiều nói : « Chàng chung tình như thế, em dầu chết cũng không nát, có tiếc gì một rung đàn ! » Nói rồi, hai tay sẽ động đến dây đàn, mười ngón tay bùp-mãng như mưa trên mấy đường tơ nỏ, lúc đầu hình như lạc khóc, rồi lại như vượn kêu, lúc thì khoan-thai như gió thoảng, khi thì gấp như mưa dào, tiếng đàn uyển-chuyển, âm-luật du-dương, như oán như mộ, như khóc như thương (Xem như thế thì cụ Tiên-đề-đền dịch là « *trong như tiếng hạc bay qua, đục như nước suối mới sa nửa vời ; tiếng khoan như gió thoảng ngoài, tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa...* » thật là tài-tình đã bạn chữ ban vần, mà lại hay hơn chữ nho). Kim-Trọng ngồi tai nghe, mừng cuống lên, có lúc ngồi ngây ra, có lúc gật đầu tặc lưỡi, có lúc chỉ khen thầm nín lặng... Đàn mãi đến lúc các ngõ, sao trên trời hình như đã thay đổi (ý nói khuya quá), đồng hồ đã đánh ba tiếng Thúy-Kiều lúc ấy mới thôi đàn. Kim-Trọng nói : « Mỗi một tiếng đàn lèm cho cây giờ của đồng-hồ được lâu thêm ; dẫu người bằng gỗ nghe tiếng, cũng phải nức-nở khen thầm, huống chi là người có tài-tình. Nhưng tiếng đàn tựa như thê-thảm khúc-rắt, đều là những điệu lao-tao bất-bình : Xin cô-nương lần sau, đừng gẩy những điệu bi-ai ấy, e rằng dứt ruột người nghe mà chính mình gẩy cũng nhớ hại ». Thúy-Kiều trả rằng : « Vì đoạn *Ly tao*, nên có cảm đến Khuất-nguyên, đó là tập-quán tự-nhiên mà đã thành thói quen ; không ngờ được lang-quân dạy đến, từ nay không dam gẩy những khúc ấy nữa. » Kiều vừa trả lời vừa

cầm đàn đưa trả Kim-Trọng. Kim-Trọng trông Thúy-Kiều, đôi mắt sáng như sao, hai má ửng hồng, như hoa thược-dược trong lồng đèn, như hoa đào khi mưa tạnh, tình-tứ nồng nàn, khó ngăn được lửa dục, bèn ôm Thúy-Kiều vào trong lòng, nhìn không chớp mắt. Thúy-Kiều nói rằng: « Lang-quân sao lại dở cái thói con ma ấy ? Em không phải là cục đất hay xúc gỗ mà vô-tình được ! Mà cũng không phải cố ý làm ra lối kiều-tình ấy đâu, chính là nghĩa không thể được; ngày giờ sinh-lễ chưa kịp, nếu mà phải tiếng dâm-đãng, tuồng chàng còn quí gì em nữa ! » Kim-Trọng nói: « Những bậc liệt-nữ đời xưa cũng đã làm rồi, sao một mình cô cho là không thể được ? » Thúy-Kiều thưa: « Em cho là không thể được, để học lấy cái có thể được của người xưa. Giàng lấy cái có thể được của người xưa, để lượng cái chỗ không thể được của em, thì mới biết cái chỗ em cho là không thể được, chính là để bảo-toàn lấy cái có thể được về sau. Làm thân con gái phải giữ mình như giữ bình (ấm): nếu bình đã lỡ vỡ thì không thể làm cho lành lại được, thân con gái đã có vết, thì không thể làm thế nào cho trinh-khiết được. Về sau đến đêm hợp-cẩn, sẽ lấy câu gì mà trả lời ? Lúc bấy giờ kẻ kia (tức người con trai) sẽ nổi-hận mà sinh ngờ vực, ngờ-vực mà còn giữ lời thề thì chưa từng có ! Giá-sử thiếp có cái lòng bất-tiết, chàng cũng nên lấy tay làm con dao, để cắt đứt cái mối dâm-đãng mới phải. Sao chàng lại đem cái thói dâm-bôn để làm nêu cho vợ con như thế ? » Nói-năng chính-đáng, làm cho Kim-Trọng lạnh toát mồ-hôi, phải đứng dậy tạ lỗi rằng: « Cô-nương nói phải lắm, tôi thật không kịp. »

Chợt nghe gà gáy thì trời đã rạng đông. Thúy-Kiều đứng dậy cáo về. Kim-Trọng còn muốn lưu lại, thì lại nghe có tiếng người gõ cửa: Kim-Trọng bất-đắc-dĩ tiễn Thúy-Kiều theo đường giả-sơn đi về. Còn người gõ cửa chưa biết là ai, xem đến hồi sau sẽ rõ (lược dịch *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh-âm tài nhân, bản sao của Bác-cổ, số A q 53, tờ 31 a 33 b).

***

Các bản đều viết: « Ngày vừa sinh-nhật ngoại gia, Trên hai đường, dưới nữa là hai em ». Duy kinh-bản (*Đoạn-trường tân-thanh* của cụ Kiều-oán-Mận, tờ 10 a) chép là « Vừa ngày sinh-nhật ngoại gia, Trên song đường dưới nữa là hai em ». Câu trên, chữ « Ngày vừa » hay « Vừa ngày » dùng thế nào cũng được. Đến chữ « hai đường » ở câu dưới, tuy cùng nghĩa với chữ « song đường », nhưng không mấy khi dùng chữ « hai đường », sợ lẫn nghĩa với chữ « hai đường cái » Vả lại chữ « song đường » đã hóa ra tiếng nôm rồi. Vẫn biết có người cho rằng dùng chữ « hai đường » để đối với « hai em » ở dưới, nhưng cũng không ổn, vì chữ « đường » là chữ nho, không có lẽ trong hai chữ mà một chữ nôm, một chữ nho.

— Đến câu dưới, kinh-bản chép là « Tưng-bừng sắm-sửa áo xiêm, cần dâng một lễ xa đem tấc thành ». Hai bản nôm (Phường bản của Quan-văn-đường, tờ 12 b, và *Kim Vân Kiều truyện chú*, số A B 233, tờ 33 b) đều viết « Bèn dâng một lễ xa đem tấc thành »: chữ « Bèn » này là tiếng nôm, chính mặt chữ là chữ « biện » của chữ nho. Bản quốc-ngữ của ông Vĩnh (1919, tr. 94) in là chữ « biện » thì nhầm. Dù không muốn theo chữ « cần », cũng phải đọc là chữ « bèn » mới xuôi nghĩa, chứ không phải chữ « biện », vì chữ « biện » với chữ « dâng » cùng một nghĩa. Chữ biện lễ thường viết hai chữ « tâu », chữ « lực » ở giữa, chứ không phải chấm trên chữ « hạ » dưới. Còn chữ « cần dâng » do chữ « cần biên » hoặc « hiến cần », nghĩa đen là dâng rau cần: Liệt-tử chép rằng xưa có người có đậu tốt và lại cần-bình (cần-bình tử), thường khen ở trước mặt hương-hào; hương-hào lấy ra nếm, nói rằng: « Ăn rồi, miệng thì ngứa, bụng thì đau ». Thiên-hạ xúm lại chê-cười, người kia xấu-hổ. . . Về sau có ai đem vật tặng người ta, thường tự-khiêm là « hiến cần », ý nói không được quí báu. Kinh-bản và quốc-ngữ đều dẫn sách *Kê-khang* chép « người nhà quê có rau cần tốt muốn dâng vua »: điển ấy có lẽ không bằng điển *Liệt-tử* trên này.

— Câu « Mặt nhìn mặt, thêm tươi, Bên lời vạn phúc, lời kàn huyên », kinh-bản chép « Càng nhìn mặt, càng thêm tư

— Hai bản quốc-ngữ (1 tr. 35; 1942, tr. 95) và kinh-

(Xem tiếp trang 14

AN NAM ĐÔ HỘ

NGUYỄN XUÂN UẨN

Địa thế An Nam đô hộ —

Khu vực dinh cư của người Việt về đầu thế kỉ thứ nhất Tây lịch gồm tất cả những đất thuộc Nam ngạn sông Dương tử và dọc bờ biển Đông hải và Nam hải, năm thế kỉ sau đất Việt bị người Tầu xâm lấn gần hết (1) Dồng âu mất, Mân Việt mất; còn Nam việt gồm đất Tây âu thành bộ Giao chỉ còn lại có một nửa phía nam mà thôi, nghĩa là người Việt rút cục còn giữ lại có đất Tây âu mà thôi.

Vết tích người Việt ở Dồng và Mân Việt bị mai một từ đời Tây Hán, Nam Việt và Tây âu tức Giao châu thì mãi đến đời Tam quốc mới bị phân lia. Nguyên sau khi bại được họ Sĩ, Ngô chúa là Tôn Quyền chia đất Giao châu ra làm ba Quảng châu và Giao châu, đặt quan Thứ sử riêng. Cũng đã có một lần Giao, Quảng hợp làm một nhưng rồi lại phân chia ngay. Hai châu biệt lập lẫn rồi thì mỗi châu theo một cuộc đời riêng. Dân Việt ở Quảng châu bị đồng hoá với Tầu, đất Quảng thành tỉnh Lưỡng, Quảng trù mật ngày nay (2). Dân Việt ở Giao châu vẫn giữ nguyên được bản sắc, dựng thành một quốc gia độc lập phồn thịnh. Nội các chi Bách Việt ở đông nam Á-châu, may chỉ còn người Việt ở ay âu là không bị tuyệt chủng sinh tồn và bành trướng ra

uốt hồi Bắc thuộc qua những độc lập ngắn ngủn, cơ nghiệp Trưng vương, nước Vạn xuân Lý nam đế cũng chỉ gồm có khoảng trung châu Bắc kỳ và bắc Trung kỳ; phải chờ sau khi tự chủ Ngô Đình Lê kiến thiết đất gốc đó rồi Lý Trần Lê mới mở mang thêm bờ cõi về Nam được.

Từ một châu Giao to lớn cho đến khi thành nước Đại Cồ Việt, mặt đất đồng bằng này đã trải qua bao nhiêu phen biến cải. Nhà Ngô chia Giao châu ra làm hai đất Giao chỉ gồm hai quận Tần, Hưng (3). Cuối đời Tam quốc sang đời Tấn, Giao châu có tất cả : 7 quận, 50 huyện (4). Nhà Lương cắt giải đất bắc Trung ỳ lập riêng thành châu Á, cải quận Nhật Nam sót lại — mộ phần mất về Lâm ấp — làm quận Cửu đức, sau đổi làm Đức châu. Nhà Tùy lại lấy đất hai quận Tần, Hưng đặt làm Hung châu, sau cải làm Phong châu miền duyên hải đông bắc đặt thành châu Hoàng sau cải làm Lục châu (5).

Năm canh tuất (348- tl 590) Tùy đổi hạ các châu xuống làm quận, các quận xuống làm huyện, thì nước ta bấy giờ có 5 quận 32 huyện (6). Vua Dường Cao tổ bình định xong thiên hạ năm nhâm ngọ (316- tl 622) đổi châu Giao làm Đô đốc phủ Giao. Năm mươi bảy năm sau, kỉ mão (259- tl 679) Đường Cao tôn đặt An nam đô hộ phủ thống trị cả các đất Việt (7).

Nước ta có tên An nam bắt đầu từ đời Đường, và gốc ở chữ An nam đô hộ vậy. Hai tiếng An nam ấy do vua Đường đặt cho đất nối thuộc của họ và mấy triều đại sau phong cho vua ta. Hai tiếng An nam tuy ngụ ý kém cỏi và nhắc lại cái quãng thời gian lầm than bị đô hộ nhưng lại được thông dụng, dân Việt lâu ngày cũng tự nhận mình là người An nam đi đôi với tiếng Việt vốn sẵn có từ xưa Xét ra thì hai tiếng An nam lúc đầu nguyên là tên chức chứ không phải là tên đất. Cuối đời tam quốc, nhà Tấn lấy được Giao châu của Ngô, mới phong cho Lữ Hưng làm An nam tướng quân Đô đốc Giao châu chủ quân sự (8). Sau vua Đường lấy hai chữ ấy đặt tên cho phủ Đô đốc ở châu Giao. An nam mới thành tên đất. Thủa ấy dân Việt đã biết họp quần, đã nuôi dưỡng cái tinh thần quốc gia mạnh mẽ ở trong hai chữ An nam ấy. Và dẫu sau con cháu những người An nam đã lập ở trên giải đất này một nước độc lập hùng cường, bắc chống lại với Trung quốc nam chinh phục Chiêm thành, Chân lập. Tên An nam đã quá phổ thông trong chốn dân gian rồi, lâu ngày không thể sóa bỏ đi được nữa, mặc dầu quốc hiệu của ta trước đã có những tên Tây âu, Nam việt, Giao chỉ và sau lại thêm những tên Đại Cồ Việt, Đại Việt và Việt nam ;

Đất An nam đô hộ gồm đất Bắc kỳ và bắc Trung kỳ đến tận giải Hoành sơn Miền hạ du chia ra làm nhiều châu huyện có các quan lại Tàu cai trị miền thượng du và trung du cũng có những châu huyện gọi là châu huyện cơ mi do bọn tù trưởng bản sứ cai quản lấy dân thổ trước. Đồng bằng có năm châu là Giao, Phong, Phúc Lộc, Trường, (Bắc kỳ), Ái, Hoan, Diễn (Trung kỳ), miền duyên hải là Lục châu. Còn những châu cổ mi là Võ nga, Võ an, Thang, Chi (9).

Đồng bằng Bắc kỳ khi ấy đã có cái địa thế như bây giờ rồi cũng mấy con sông Nhị hà, Đáy và Thái bình với khúc Bạch đằng giang chảy ra vịnh Bắc kỳ theo phương hướng như ngày nay. Riêng miền duyên hải — Lục châu — chưa được rõ rệt lắm; phù sa mới bồi còn lỏng, đất chưa được chặt. Trong chỗ bùn lầy ấy chỉ thấy có lau cói và cây sú mọc đầy. Miền Phát diệm Kim sơn và chỗ đất của sông Thanh Nghệ chưa có mà mấy huyện giáp bể Thái bình, Nam định như Thụy anh, Vũ tiên, Trực ninh cũng chỉ mới là bãi cát lầy dương thành hình mà thôi. Chỗ đó vì chưa cầy cấy gì được nên dân cư còn thưa thớt, làng xóm tiêu điều gần như hoang dại. Trái lại quá vào trong, người Việt đã ăn ở đông đúc mông mênh một vùng từ Đông triều, Yên thế cho đến Tam đảo, Ba vì trở xuống đến giẫy Hoàng sơn không đâu là không có làng mạc ruộng nương. Những khóm tre xanh giải giác chi chít giữa cánh đồng ruộng mầu lam như những cánh hoa nổi bật trên nền gấm. Rồi ngày tháng qua, mỗi năm những làng mạc ấy cứ lan dần ra miền Lục châu, trước còn thưa sau mau dân, bãi đồng lầy nâu sẫm ấy nhạt dần cho đến khi pha mầu lam của lúa mạ. Người Việt chăm chỉ đã chịu khó cầy cấy làm ăn, sinh đẻ nhiều, chóng đông đúc, nên chỗ nào đất mầu mỡ có thể giồng giọt được là họ tìm đến lập nghiệp. Họ lan ra vùng duyên hải Lục châu, và giải đồng bằng Hoan Diễn ngày một nhiều mãi.

Cuộc di dân ấy đã cắt nghĩa cho việc di kinh đô dần về phía đông: Phong châu, Cổ loa, Long biên và Đại la.

***

Phủ Đô hộ và Thành Đại la

Tùy Dường để tổ chức lại việc hành chính ở Giao châu, không đặt phủ trị ở Long biên nữa mà thiên về đất Tống bình.

(Xem tiếp trang 15)

1) Xem quyển thứ 1 : Bách Việt chương 4

2) Lương Quảng vẫn còn giữ tên là tỉnh Việt.

3) Lịch triều hiến chương địa dư chí (4) I bid

5) La dynastie des Lý antérieurs (dẫn sách nguyên hóa quận huyện chí

6) 5 quận là : Giao chỉ, 9 huyện : Giao chỉ, Tống bình, Long biên, Chu diên, Bình đạo, Long bình, Giu ninh, Tân tức, An nhân Cửu chân, 7 huyện Cửu chân, Lăng phong, Tư phố, Long ân, Quân an, Thuận an, Nhật nam, — Nhật nam. 8 huyện : Cửu đức, Hàm hoan, Phố dương, Việt thường, Kim ninh, Giao cốc, An viên, Quảng an, Giu lâm, 4 huyện : Tường phố, Kim sơn, Đinh giang, Nam cực bắc cảnh, 4 huyện : Bắc cảnh, Chu ngô, Thọ lĩnh, Tây quyên (Lịch triều hiến chương

7) Dương thư Lịch triều hiến chương Khâm định Việt sử năm 757, Tức tôn cải An nam làm Trấn nam đô hộ, nhưng đến năm 769 lại đặt tên An nam đô hộ.

8) Nam 264, xem quyển 2, Giao chỉ chương 7

9) Lịch chiều hiến chương địa dư chí-Khâm định Việt sử Việt sử đại toàn : Maspéro : Prof. gl sons les Tang — Giao châu có 8 huyện : Tống bình, Giao chỉ, Nam định, Long biên, Bình đạo, Vũ bình, Thái bình, Chu diên - Phong châu có 5 huyện : Cia ninh, Thừa hóa, Tân xương, Cao sơn, Châu lục — Trường châu có 4 huyện : Vân dương, Đồ gi thái, Trường sơn, Kỳ thường — Phúc lộc châu có 3 huyện : Nhu viễn, Đường lâm, Phúc lộc — Ái châu có 6 huyện : Cửu chân, An thuận, Sùng bình, Quân ninh, Nhật nam, Trường lâm — Hoàn châu có 4 huyện : Cửu đức, Phố dương, Việt thường, Hoài hoan — Diễn châu có 6 huyện : Trung nghĩa Long trì, Tư nông, Võ long, Võ dung, Võ kim — Lục châu có 3 huyện : Ô lôi, Hoa thanh, Ninh hải — Võ nga châu có 7 huyện : Võ nga, Như mã, Võ nghĩa, Võ di, Võ duyên, Võ lao, Lương sơn — Võ an châu có 2 huyện : Võ an, Lâm Giang — Tỉ anh châu có 3 huyện : Dương tuyền, Lục thủy, La thiều — Chi châu có 7 huyện : Hân thành, Phá xuyên, Bình tây, Lạc quang, Lạc diêm, Da vân, Ân long.

Số 69 *Ưng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXXVIII — Lý-Thần-tông
(bài nối)

Đời Lý Thần tông (1127-1138) không có *Hình thư* như Lý Thái tông (1028-1054), nhưng trong việc trị dân cũng có những điều lệ nghiêm cấm răn bảo như sau này:

Ngày giáp tuất tháng hai ta năm 1128 « cấm những đứa ở nhà quan và lính tạo lệ (quét dọn) không được lấy con gái lương dân » (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q. 3, tờ 31a). « Tháng tư năm tân hợi 1131 cấm đứa ở vương hầu, công chúa và trăm quan không được lấy con gái quan chức đô và bách tính *T. t.* q. 3, tờ 36 a). Vào khoảng tháng chín « năm kỷ dậu 1129 cấm các nô tỳ của vương hầu và bách quan không được ỷ thế đánh hiếp quan quân hoặc bách tính; nếu phạm ộ thì chủ nhà bị tội đồ, đứa nô tỳ lại mất vào quan », tức như sung công (*T. t.* q. 3, tờ 34 b). Tháng tư năm tân hợi 1131 « cấm con gái nhân dân không được bắt chước hình dạng trang sức như con vua và con các quan » (*T. t.*, q. 3, tờ 36 a).

« Tháng giêng năm canh tuất 1130 không cho con gái các quan lấy chồng trước, phải đợi sau khi tuyển vào dịch đình (là cung bên cạnh chính cung, và là cung của phi tần trở xuống, vì chỉ có một mình hoàng hậu được ở chính cung), người nào không trúng tuyển, được về lấy chồng » (*T. t* q.3 tờ 35 a). « Tháng năm năm mậu thân 1128, những việc kiện đã qua tổ tông phân xử phán đoán rồi, thì cấm không được tâu lại nữa, nếu trái lên thì phải tội » *T. t.* q. 3, tờ 31b).

Tháng sáu năm ất mão 1135 cấm những người bán ruộng ao, khi chuộc không được giả tiền gấp bội và chủ nợ cũng không được đòi gấp bội, nếu trái lệnh thì có tội » (*T. t.*, q.3, tờ 39 b).

« Tháng tư năm giáp dần 1134 cấm chức chi hậu và nội nhân hỏa dầu không được thiện tiện ra ngoài thành, ai trái lệnh thì luận tội nặng; nếu có việc công thì phải tâu trước mới cho đi » (*T. t.*, q. 3, tờ 38 a).

« Ngày canh ngọ tháng hai năm mậu thân 1128 vua Lý Thần tông ngự đến Thiên an, xem người trong nước thề ở long trì, nhân xuống chiếu lấy những quần áo tiền lụa ở nội phủ phát cho » (*T. t.*, q. 3, tờ 31 a). Cứ Toàn thư chép như thế, thì chỉ biết là người trong nước thề, chứ không rõ quan hay dân, và cái số quần áo tiền lụa ở nội phủ cũng không rõ phát cho ai So với *K.đ.v.s.* (q. 4, tờ 22 b) thì có khác hơn sau này: « Họp quần thần thề ở long trì điện Thiên an, vua ngự điện để xem, ban cho quần áo tiền lụa có thứ tự hơn kém ».

Đến « tháng sáu năm ấy họp quần thần thề ở ngoài cửa Đại hưng, vì sắp làm lễ tống táng vua Lý Nhân tông ». (*K.đ.v.s.*, q. 4, tờ 23a và *T. t.* q. 3, tờ 31 b).

« Tháng hai năm mậu thân 1128 sai giám nghị đại phu là Mã du đô sang Thiên đức (Bắc ninh) coi đất để khởi công làm lăng vua Nhân tông, đến tháng sáu táng ở lăng Thiên đức » (*T. t.*, q. 3, tờ 31 a-b). « Tháng tám năm kỷ dậu 1129 làm thần chủ vua Nhân tông để ở linh điện. Ngày Nhâm ngọ tháng tám nhuận, làm lễ rước thần vị vua Nhân tông vào nhà thái thất » (*T. t.*, q. 3, tờ 34a).

« Tháng hai năm giáp dần 1134 dựng chùa Thiên minh chùa Thiên thành và tô tượng

Đế Thích : vua ngự tới xem » (*T. t.*, q. 3, tờ 38 a).

« Tháng mười một năm ấy (1134) sửa lại điện Diên sinh và quán Ngũ nhạc. Đến tháng ba năm sau 1135, vua ngự quán Ngũ nhạc khánh thành bà tượng bằng vàng bạc » (*T. t.*, q. 3, tờ 39 a).

« Tháng mười hai năm 1135 đặt lội độ nhân (tế độ chúng sinh) ở nhà Nghênh tiên. Cùng tháng ấy làm lễ khánh thành điện Diên sinh, nhân làm lễ đại tiểu », tức đặt đàn cầu đảo, cũng như bây giờ làm chay » (*T. t.* q. 3, tờ 39 b).

Tháng chín năm đinh tỵ (1137) làm lễ khánh thành chùa Linh cảm đại xá tội nhân trong nước » (*T. t.*, q. 3, tờ 40 b). « Tháng giêng năm kỷ dậu 1129 đặt lội khánh thành làm vạn bốn nghìn bảo tháp (stûpa) ở Thiên phù các » (*T. t.* q. 3, tờ 32 b).

« Tháng giêng năm tân-hợi 1131 làm hai gác ở trong điện Diên-hòa Tháng bảy năm ấy quần thần dâng biểu mừng năm được mùa » (*T. t.* q. 3, tờ 36 a).

« Tháng mười năm nhâm - tý 1132 làm điện Linh - cảm, gác Phụng-thiên. Tháng mười hai, vua làm lễ nghinh-xuân ở đình Quảng văn, khánh thành điện Linh-cảm ban yến cho quần thần » (*T. t.* q. 3, tờ 37 b).

« Tết trung - nguyên tháng bảy năm 1128 vua ngự điện Thiên-an quán tháo dâng bà mừng. Hôm ấy vì làm lễ vu-lan-bồn cho vua Lý Nhân-tông, nên không đại yến để thưởng quần thần » (*vu-lan-bồn* là tiếng phạm ollamba nghĩa là lấy chậu đựng một trăm thức, cúng dâng chư Phật, để cứu khổ cho chúng sinh, thế - tục thường lấy tiết trung - nguyên tháng bảy, mời sư kết hội vu-lan bồn, dụng kinh tỉ thực) (*T. t* q. 3, tờ 31 b).

« Tháng năm năm ấy 1128 thì bọn lão - binh đô - tào là Vũ-Đại, được bốn người làm sư. Vua xuống chiếu miễn thuế cho họ của thần-anh thái - Lậu được một trăm người, không phải ghi tên vào sổ thuế » (*T. t* q. 3, tờ 31 b).

« Tháng chín năm canh - tuất 1130 vua ngự điện Linh - quang xem đua bơi. Tháng mười, ngự điện Triêu-linh, duyệt sáu quân, định thứ bậc. Tháng mười hai, đánh cầu ở long-trì, cho sứ Chiêm vào hầu để xem, đặt hội khánh-thành ở chùa Quảng - nghiêm và chùa Tư-thanh tha người có tội » *T. t.* q. 3, tờ 35 b 36 a).

Lý Thần-tông thì hiện những điềm lạ, như « ngày tháng giêng năm kỷ-dậu 1129 Lý-an-Dậu dâng con hươu trắng, cho An - Dậu tước đại-liêu-ban (*T. t.* q. 3, tờ 32 a). Cùng tháng ấy thái - úy là Dương An - Nhi dâng hươu trắng. Đến tháng hai Tuân-vương ban là Lý Lộc dâng thỏ nói nhà Tấn-tiền có hươu trắng, vua sai thái - úy là Dương-Anh-Nhị đi bắt được hươu trắng, vua cho Lộ được tước đại liêu ban » (*T. t.* q. 3, tờ 33 a).

« Tháng ba Lý Tử - Khả dâng thư nói ở huyện Đề - phàng (tức huyện Sơn-dương về đời Tấn đức có con hươu trắng, vua sai thái úy Lưu-Khánh-Đàm đi bắt được, thưởng cho Lý Tử - Khả chức xu mật - sứ tước Minh - tự » ! (*T. t.* q. 3, tờ 33 b ; *K. đ.* q. 4, tờ 24 a).

Từ bấy giờ trở đi tranh nhau đem dâng những giống vật lạ, như tháng hai năm canh - tuất 1130, quản - giáp ở nội - tác là Chu-Thủy dâng cá tức-ngư vàng. Tháng năm, quản-giáp ở Phủ-thu-hiễu là Nhi - Nguyên dâng chim tước trắng » (*T. t.* q. 3, tờ 35 a b)

« Tháng sáu năm tân - hợi (1131) lại có người tên là Hà - Nhi dâng chim tước trắng. Tháng mười hai năm ấy Nguyễn-Mãi ở làng Thái-bình dâng hươu trắng, lính ở vệ tả-vũ tiệp tên là Đỗ Khánh dâng cá xương - công sắc vàng : vua cho là điềm tốt, xuống chiếu cho quần thần lạy mừng Chức cấp - môn - sứ là Lý Phụng-ân dâng lời nói rằng : « Đó là vật nhỏ mà Bệ-hạ cho là điềm tốt, nếu con lân, con phượng đến, thì Bệ-hạ cho là điềm thế nào ? » vua khen lời nói là lời nói phải, rồi tuân » (*T. t.* q 3, tờ 36 a-b).

« Tháng tám năm nhâm - tý 1132 chức hỏa-đầu ở vệ tả-vũ-lâm là Đỗ-Quảng dâng cá xương công Cùng tháng ấy, thứ mục ở châu Chân-đăng là Lê Pháp-Quốc dâng con hươu mình trắng đuôi Tháng chín chức hỏa đầu ở vệ Phụng vệ đô-lệnh là Đinh-Ngưu dâng con hươu trắng (*T. t.* q. 3, tờ 37 a b)

« Tháng hai năm giáp dần 1134 chức lệnh hà-gia là Nguyễn - Mỹ dâng con ngựa mình hoa đào đầu xanh, bốn chân sinh sáu cựa (?) Tháng năm năm ấy chức hỏa-đầu ở vệ-hữu-ngự-long là Châu Tử dâng thứ ngọc thiềm thừ (thom - thừ châu) hình như con

cá. Vua nói rằng: « Đây là một vật nhỏ không đáng quí » rồi từ chối không nhận. Cùng tháng ấy lính ở vệ tả hưng vũ là Vương-Cửu dâng con rùa sáu mắt, (?) trên lưng rùa có hình chữ triện (?) Vua truyền chiêu chọ các học-sĩ và tăng đạo biện bạch, thành tám chữ « thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế » nghĩa là trời viết xuống bảo cho thánh nhân muôn tuổi (*T. t* q. 3, tờ 38 a-b).

Về việc mai rùa có chữ, sử-thần đời trước là Ngô-sĩ-Liên đã bác rằng: « Cái vằn ở trên mai rùa, sắc đen sắc trắng lẫn lộn, lúc bấy giờ nhân đó biện thành chữ để đẹp lòng vua; há có chữ thật đâu! » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4, tờ 28 b).

Đời Lý Thần-tông lại còn một việc lạ nữa, là « Năm bính-thìn 1136 Vua có bệnh các thầy thuốc chữa đều vô hiệu, sư ở chùa Giao-thủy là Nguyễn Minh-Không (tục truyền là Khổng Minh-Không) chữa khỏi. Vua cho Minh-Không hiệu là quốc-sư và cho vài trăm hộ làm thực-ấp » *K. đ. V. s.*, q. 4, tờ 31 a). « Tương truyền: khi Từ-đạo-Hạnh sắp giải thi để đi đầu thai, lấy viên thuốc và thần-chú, giao cho học-trò là Nguyễn-chí-Thành (tức Minh-Không) dặn rằng: « Hai mươi năm sau, thấy quốc-vương mắc bệnh lạ, đem thuốc này đến chữa thì khỏi. . . » (*T. t.*, q. 3, tờ 39 b). Về việc ấy *Dã-sử* chép nơi khác: « Minh-không là người Ninh-xá, huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bình, lúc đầu cùng với Từ-đạo-Hạnh sang Tàu, vào tận trong rừng, học phép phù-thủy. Khi học đã thành, người nào cũng biết phép biến hóa và xuất quỉ nhập thần, rồi cùng về. Đi đến nửa đường, chia tay, mỗi người mỗi ngả. Đạo-Hạnh nghĩ thầm rằng « Học-thuật của mình chỉ có Minh-Không hơn », định xuất kỳ bất-ý giết đi. Nhân hóa hổ, đón đường, đợi Minh-Không về thì ra vồ. Minh-Không đi đến giữa đường, hổ nhảy ra. Minh-Không biết là Đạo-Hạnh, không sợ hãi chút nào, nói rằng: « Đã là tình anh em, còn dối nhau làm gì? » Đạo-Hạnh không biết làm thế nào, bèn hiện chân thân và tạ lỗi rằng: « Tôi thử xem pháp-luật của Ngô-huynh như thế nào »! Minh-Không nói: « Đã muốn làm hổ, chỉ sợ ngày sau lại hóa hổ thật thôi! ». Đạo-Hạnh đáp rằng: « Nếu ngày sau có bệnh hoạn gì, xin nhờ cứu cho ». Nói rồi lại cùng từ biệt. Đạo-Hạnh thì đến núi Thụy-Khuê tu huyện Minh-Không lại về chùa Giao-thủy. Sau Đạo-Hạnh lấy cớ Sùng-hiền hầu cầu tự, thác sinh làm Lý Thần-tông. Từ lúc bé đến lúc lên làm vua, trong người không bệnh tật gì cả, tự nhiên năm bính thìn 1136 Lý Thần-tông bấy giờ đã 21 tuổi, làm vua đã 9 năm, thấy chân tay sinh ra nanh vuốt, khắp mình mọc lông, mỗi ngày một kêu gào nhảy nhót, hình như muốn cắn (?) Người ta cho là « vua cọp », thái hậu sai khóa tất cả cửa cấm, không cho ra chầu, rồi đi tìm khắp các thầy thuốc, đều chữa không khỏi. Minh Không muốn chữa, nhưng không muốn làm Mao-Toại tự tiến thân, mới dạy mục-đồng hát rằng: « Đục cửu Lý cửu trùng, tu dâu Khổng Minh - Không nghĩa là muốn chữa vua nhà Lý nên được Khổng minh - Không (Đây là dịch ở câu chữ nho ra, chính câu nôm của ta truyền tụng rằng: « Tập tầm vông, tập tầm vông, tay nào có, tay nào không? Có Khổng Minh-Không chữa được hoàng thái tử ». Các quan địa-phương nghe lời đồng-dao hát như vậy, đem việc tâu vào cung cấm, thái hậu sai sứ đến nhà Minh-Không đủ lễ rước mời. Minh-Không bèn vào Kinh, xem bệnh xong, sai nấu một vạc dầu, khi đã sôi, bắt ép Thần-tông vào trong vạc (?), được một chốc thì những nanh vuốt, lông lá rụng hết, mà ngọc-thể không việc gì, y nhiên là một vua thái-bình thiên-tử! Thái hậu và vua Thần-tông mừng lắm, muốn ban cho quan tước để đền ơn, nhưng Minh-Không cố từ chối, nói rằng: « Kẻ xuất gia này được làm dân đời thái-bình là đủ rồi, không dám xin thưởng ». Vua cố ép, sau Minh - Không xin lấy vài nghìn cân đồng để đúc chuông, đến nay thợ đúc đồng, thờ làm tiên-sư. Tương truyền, chỗ dân-cư xã Hành - thiện thuộc huyện Giao - thủy, là của Minh - Không lập ra » (*Đại - Việt sử - ký, cải lương*, số A 1146, q. 2, tờ 33 a đến 34 b). Những truyện như thế là « dĩ nghi truyền nghi » chép vào đây để hợp với mục *Dật sự* chứ không nên tin là thật.

Đến « tháng chín năm mậu-ngọ 1138 Lý Thần - tông trong người không yên (tức là bị bệnh), lập hoàng trưởng - tử Thiên - tộ, làm hoàng thái-tử. Nguyên trước kia

Thần-tông đã lập Thiên-Lộc làm con nối; đến năm 1138 Cảm-thánh Nhật-phụng, Phụng-thánh, cả ba phu-nhân muốn đổi người khác, mới sai người ngầm đem của lo lót với tham-tri chính-sự là Từ-văn-Thông, và dặn rằng: « Khi nhận mệnh vua, thảo tờ di-chiếu xin đừng bỏ lỗi bà phu nhân » Từ-văn-Thông vâng lời. Kịp đến khi bệnh nặng, vua sai soạn chiếu thư, Từ-văn-Thông tuy chịu mệnh vua, mà vẫn cố ý chờ ba phu-nhân, nên chỉ cầm bút không viết. Được một chốc thì ba phu-nhân đến, nghẹn-ngào khóc-lóc nói rằng: « Chúng tôi nghe người đời xưa lập con nối ngôi, thì lập con trưởng, chứ không lập con thứ, Thiên-Lộc là con người nàng hầu, nếu để cho nối ngôi, thì người mẹ tất là tiểm-thế nào cũng sinh tính ghen ghét hại người, như thế thì mẹ con chúng tôi khó khỏi mắc nạn! » Vua mới xuống chiếu rằng: « Hoàng-tử Thiên-Tộ tuy tuổi còn nhỏ nhưng là con vợ đích, thiên-hạ đều biết, nay cho Thiên-Tộ nối ngôi Trẫm, còn thái-tử Thiên-Lộc nên phong làm Minh-đạo-vương » (*T. t.* q. 3, tờ 41 b và 42 a và *K. đ. V. s.*, q. 4, tờ 33 a-b).

« Ngày hai mươi sáu tháng chín năm Mậu-ngọ (1138) Lý Thần-tông mất ở điện Vĩnh quang, dựng cung ở thềm phía tây điện, quần thần dâng tôn hiệu là Quảng-nhân cung-hiếu văn-võ hoàng-đế, miếu hiệu là Thần-tông, ở ngôi mười một năm, thọ hai mươi ba tuổi » *K. đ.*, q. 4, tờ 34 a và *T. t.*, q. 3, tờ 42 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

AN NAM ĐÔ HỘ

(Tiếp theo trang 11)

Hội đầu Tống bình nguyên là tên một quân của Giao châu, sau là một châu nhỏ của nhà Đường, châu Tống; năm nhâm ngọ (306-tl.622) Châu Tống chia ra làm ba huyện Tống bình, Hoang Nghĩa và Nam định (10 Trong đời Nam Bắc triều (thế kỷ thứ VI tây lịch) châu trị Long biên vẫn còn là một nơi đô hội phồn thịnh và một căn cứ dụng binh quan trọng. Từ các viên Thứ sử Tàu đến Lý Nam đế và Lý Phật Tử đều lo giữ Long biên, sai tướng đóng trọng binh ở đó. Vua Tùy Dương Cao tổ, đem thủ đô Giao châu về Tống bình, căn cứ theo chỗ đó mà lập phủ Đô hộ An nam. Các tỉ nha cùng đi ấn thự đều mang cả về đấy Thành Long biên chỉ còn địa vị một chận lị của đất Long (11), lại bị xuống làm một lị sở của một huyện nhỏ thuộc châu Giao. Tống bình mở mang phát đạt ra bao nhiêu thì Long biên điêu tàn dần bấy nhiêu. Dân cư theo bọn quan lại và quân lính, thuyền về phủ mới; dám thuộc lại, gia nhân, thợ thuyền khách thường đến lập nghiệp xây dựng Tống bình cũng như nước nọ dã tô điểm cho Long biên vậy.

(Còn nữa)

NGUYỄN XUÂN UẨN

10) Le protectorat général de l'Annam sous les Tang.

11) Ibid: Nhà Tùy đổi Long biên thành một huyện của quận Giao chỉ. Sau đất ấy đổi tên là châu Long gồm 3 huyện: Long biên, Vũ ninh và Bình lạc. Đến đời Dương Long Biên là một huyện của Giao châu.

Tài liệu đề đính chính

(Tiếp theo trang 9)

chép là « Trên yên bút-giả thi-đồng, Đạm thanh một bức tranh tùng treo trên » Phương-bản và Chú-thích chép là « Trên án bút-giả thư đồng ».

— Các bản đều viết « Vì dù giải-kết đến điều, Thì đem vàng đá mà liều với thân ». Duy kinh-bản chép là « cho thân ».

— Kinh-bản và các bản nôm khác cùng quốc-ngữ cũ (tr. 38) viết là « Vầng trăng vằng-vặc giữa trời, Đinh-ninh hai mặt, một lời song-song » Quốc-ngữ mới (tr. 109) chép là « hai miệng ».

— Các bản nôm chép: « Trong khi chắp cánh liền cành, Mà lòng rẽ rúng đã rình một bên ». Quốc-ngữ (tr. 122) chép là « đã dành một bên » thì không có nghĩa.

— Đến câu dưới là câu « Mái tây để lạnh hương nguyền, Cho duyên đằm thắm ra duyên bẽ-bàng », kinh-bản chép là « Xui duyên đằm-thắm » thì phải hơn.

— Bản quốc-ngữ (tr 124) chép « Bóng tàu vừa lọt về ngõ, Tin đâu đã thấy cửa ngõ gọi vào ». Phương bản và chú-thích chép là « Tin đâu đã đến ». Kinh-bản chép là « Tin đâu đã gõ ».

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ai học phải thầy cung giọng sai, thiếu tiếng dịch, chưa dạy người Anh, nên tìm đến ông L. C. Đắc, có 3 thứ đĩa nói tiếng Anh, 18 năm dạy năm thứ tiếng, đã được giấy khen và đã viết nhiều sách Việt, Pháp, Anh đang bán tại 16ter, Sinh-Từ.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 17

Ưng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Dương Quảng Hàm nói về ca Huế và hát bội ở chương thứ 16 trong quyển *Việt-Nam Văn-Học Sử-Yếu*, từ trang 149 đến trang 169. Dưới chữ-ca khúc ở trang 149 ông Hàm chua nghĩa là « Những bài hát hòa với âm-nhạc ». Vẫn biết rằng ca là hát có âm-nhạc, nhưng cũng có khi không dùng đến âm-nhạc, như bài *Gia huấn ca*, bài *Trần tình ca*, v. v. Còn khúc là một đoạn, một mạch, cho nên tôi tưởng nên thêm nghĩa vào chữ ca khúc là « bài hát hoặc khúc hát, cũng như ngâm khúc »

Ông Hàm chia ca khúc ra các lối lục-bát, song thất, và các lối thơ. Trong lối lục-bát có lối hát nói (đã nói ở chương trên), còn các lối xẩm xẩm nhà trò, xẩm chợ), hề, đồn, đò đưa, ông không « định nghĩa » là gì, ông chỉ in mỗi thứ một bài làm mẫu, ở mục « các bài đọc thêm » (tr. 166 - 169); như thế thì học trò chiều người không phân-biệt được bài lối ấy khác nhau thế nào. Cả đến những chữ Ngại-ai, Nam-thương, Nam-bình, Vọng-phu, Cổ bản Kim-tiền, Tứ đa-cảnh, Phú lục, Lưu-thủy, Hành-vân, v. v. (tr. 150), ông cũng chỉ chua điệu này mấy khổ mấy vần, rồi in một bài làm mẫu, như thế thì học trò không biết được điệu nọ khác với điệu kia thế nào. Vậy tân kỳ tái-bản, tôi tưởng ông Hàm nên giảng nghĩa cho rõ

Trang 156 ông Hàm nói: « Lối tuồng của ta ông theo phép *tam nhất tri* », rồi chua « tam là nhất-tri là thu vào một mối ». Chua như thế ông ông vẫn rõ: tôi tưởng nên giảng: « tam là ba; nhất-tri là qui về một gốc, không nên khác nhau: nghĩa là những việc xảy ra ở trong bản tuồng phải ở một địa-phương, lại cùng một thời gian, cùng một sự-tình ».

Trang 157, có câu: « Cách mạo-xếp cũng không tách bạch ra từng hồi, từng cảnh như lối bi-kịch Pháp. Vì *cách bài-trí* trên sân khấu rất sơ sài..., nên một bản tuồng chỉ chia ra làm hồi, chứ không chia ra làm *cảnh* ». Nên nói hai chữ « từng hồi », ở trên, vì trái với chữ « làm hồi » ở dưới.

Về « nguồn gốc lối ca Huế » ông Hàm dẫn sử, nói « năm 1044 » (tr. 149), rồi chua « Thiếu-chủ thánh-vũ nguyên niên »: Chữ « Thiếu » ấy in nhầm, chính là chữ « Thiên ». Dưới có câu: « ... vào thành Phật-thệ... bắt vợ, thiếp cùng cung-nữ của vua Chiêm biết múa hát *khúc Tây-thiên* về... » Chỗ ấy mất chữ « điệu »: Chính là *Tây-thiên khúc điệu*: khúc là khúc hát, điệu là điệu múa, ở trên có chữ hát (ca) chữ múa (vũ) mà dưới chỉ có chữ khúc, mất chữ điệu, thành ra hụt nghĩa, vì khúc Tây-thiên chỉ hát được, chứ không múa được. Câu ấy lại có chữ sai nghĩa: *Khâm-định Việt-sử* (q. 3, tờ 8 b) chép là « thiện ca vũ »; chữ « thiện » nghĩa là « hay, giỏi, khéo » tức là người nào hát hay múa khéo, ông Hàm dịch là « biết » thì hơi sai.

Trang 150, ông Hàm nói « xem hai việc chép trong sử ấy thì biết ta có tiếp-xúc với ca nhạc của Chiêm-thành và chịu ảnh-hưởng của nền ca nhạc ấy. Sau này khi dân-tộc Chiêm-thành đã mất nước, nỗi buồn rầu, lòng cảm-cựu thổ-lộ trong giọng hát, cung đàn, nên có nhiều vẻ não-nùng ai-oán truyền sang ca nhạc của ta ». Đoạn ấy hình như lý luận không đúng, vì ngay năm 1202 là năm nước Chiêm-thành hãy còn tức là việc thứ hai mà ông Hàm dẫn theo sử, ở trang 150, thì *Khâm-định Việt-sử* (q. 5, tờ 28 a) chép rằng: « Mùa thu tháng tám (năm nhâm-tuất 1202) vua Lý Cao-tông sai nhạc-công chế ra nhạc khúc, gọi là *Chiêm thành âm* thanh kiêm xâu-xâu đạo thương. Người

nghe phải rỏ nước mắt. Có người sư là Nguyễn-Thường nói rằng : « Tôi nghe cái thanh-âm của nước loạn thì giọng ai-oán và hờn-giận, nay chúa thượng tuần-du vô độ, cương-kỷ trong triều rối-loạn, lòng dân mỗi ngày mỗi ly-tan, lại thêm cái tiếng nhạc ai-oán làm xúc-động lòng người ấy là cái điềm bại vọng đấy ». Thế là ngay khi nước ta mới bắt-chước nhạc-khúc của Chiêm-thành đã có cái giọng bi-ai sầu-oán, chứ không phải « sau này... Chiêm-thành mất nước... » mới « truyền sang âm-nhạc của ta » (tr. 150).

Đến chương thứ mười bảy, ông Hàm nói về « Tính-cách chính của các tác phẩm về văn chương : các điển cố » (tr. 170-175), xem như không hợp với tên sách là *Văn học sử-yếu*. Nhưng đây là ông theo chương trình của nhà học chính cũ ; chương trình ấy cũng đề là « Tính-cách chính của các tác phẩm về văn-chương ; các điển cố » hiện ông Hàm đã in ở đầu sách (trang VI), nhưng ở dưới chữ « Văn chương » đánh dấu chấm phẩy (;) ý nói tính-cách của văn-chương thì nhiều, dù điển cố có phải là « tính-cách » cũng chỉ là một phần mà thôi. Ông Hàm lại theo chương trình giảng vào một bài ở Chương thứ nhất năm thứ nhì (tr. 194—197), còn ở chương thứ 17 này, ông chỉ « xét về một cái tính-cách đặc biệt của văn Tàu và văn ta là sự dùng điển cố ». Xem nghĩa hai chữ tính cách, thì *Việt-Nam tự-điển* (tr. 525) giảng là « tính chất riêng của từng vật đã thành cái *hình-thức nhất-định không thay đổi được* ». Tính cách của văn chương có thể tóm tắt lại như thế này : Câu văn phải cho giản-dị, tự-nhiên mà lại rõ-ràng ; đoạn nào cũng phải dùng chữ cho cân-xứng mà gọn gàng ; dùng nghĩa cho cẩn thận chắc chắn, không nên cẩu-thả ; giọng văn cho uyển-chuyển tao nhã, mà cảm-động được người, như văn điếu thì giọng buồn-rầu, văn mừng thì giọng vui-vẻ, v. v. Thế thì điển cố không phải là một « tính-cách » mà cho là « đặc-biệt ». Ở đây ông Hàm cũng nói ở đoạn kết-luận rằng : « ... dùng điển-cố nên cho *vừa phải*, không nên lạm dụng... thành ra tối nghĩa » (tr. 173). Vậy thì chữ « tính cách đặc-biệt » hơi nhầm. Vả lại, có nhiều bài văn cũ không dùng đến điển-cố, như những bài văn chữ nho ông Hàm in ở trang 227-228 (là bài thơ của Lý Thường-Kiệt làm trong khi trống nhau với quân Tống, và bài thơ vua về kinh-đô của Trần Quang-Khải) và mấy bài thơ nôm như sau này :

Bài *Thân già* của cụ Yên-đỗ (Nguyễn-Khuyến, 1835-1909)

Ngồi xem năm tháng tựa chim bay,
Ông gẫm mình ông nghĩ cũng hay.
Mái tóc phần sâu phần lốm đốm,
Hàm răng cái rụng, cái lung-lay.
Nhập nhèn bốn mắt trành mờ tỏ,
Khấp-khểnh ba chân giả tỉnh say.
Còn một nỗi này thêm chán nhất :
Đi đâu dở những cối cùng chày !

(*Quốc văn tùng-ký*, bản sao của Bác-cổ, số A B 183, tờ 52 b).

Bài thơ vịnh *Chợ trời*, thường truyền là của cụ Nguyễn-Trãi, 1379-1442 (?).

Trải bao vật đổi với sao dời,
Chẳng thú gì hơn thú chợ trời.
Buổi sớm sương tan, trưa gió quạt,
Ban chiều mây họp tối trăng chơi,
Bày hàng hoa quả quanh năm đắt.
Xắp gánh giang sơn tám mặt ngồi.
Bán lợi mua danh nào những kẻ ?
Lại đây mặc-cả một đôi lời.

(*Quốc-văn tùng-ký*, tờ 52 a).

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

DÂNG TÍNH MỆNH...

(Tiếp theo trang 3)

đồng bào ta đã trưng lên trên hàng trăm tấm biển hôm 26-8-1945 trong cuộc biểu tình khổng lồ 30 vạn người tại Hà-nội đã là những lời thiết tha thốt tự trong tim.

Cả cảnh lượng già trẻ nhớn bé xát cánh nhau trong hàng ngũ để cùng nhau cam kết hy sinh cho đất nước là câu trả lời rất hùng biện đối với cái dã tâm của bọn đi cướp nước.

Toàn thể đồng bào chúng ta, trước nạn xâm lăng của bọn thực dân sẽ tỏ cho họ biết sự đoàn kết chặt chẽ của cả một giống nòi trước quốc nạn và hy sinh đến triệt để tài sản và tính mệnh của cả một nước để duy trì bờ cõi

Trước sức mạnh của kẻ địch, chúng ta sẽ không hàng phục một cách hèn nhát và sẽ bảo cho họ biết.

— Muốn đánh ngã cả một dân tộc 30 triệu người đồng lòng giữ đất nước quyết liệt chiến đấu đòi quyền sống tự do, không phải là một công chuyện dễ-dàng như họ tưởng

PHẠM-MẠNH PHAN

BÁO CỨU QUỐC

Trong lúc sửa soạn để có thể xuất bản hàng ngày, báo Cứu quốc, cơ quan tuyên truyền của V. M, *tạm phát hành mỗi tuần lễ ba kỳ*, thứ ba, thứ tư và thứ sáu.

Tòa Soạn và Ty trị sự ở số 114, Phố hàng Trống Điện thoại 48 35

DÂN TỘC VIỆT NAM

(Tiếp theo trang 7)

Xưa kia, người Trung-hoa đã phải khiếp-phục trí thông-minh, tài biện-bác và cái học-vấn thấu suốt cổ kim của người minh. Những sứ-giả Việt-nam sang bên Trung-hoa đã nhiều lần làm vinh dự cho tổ-quốc, và bầy tỏ cho họ biết rằng nước ta là một nước văn-hiến, có một nền văn-minh đặc-sắc, và không thiếu gì nhân-tài lỗi-lạc.

Gần ta đây, những vị bác-học như Nguyễn trường Tộ, Trương vĩnh Ký cũng lắm vẻ vang cho nòi giống. Y-đằng tác-văn, một bậc công thần của nước Nhật hồi mới duy tân, gặp Nguyễn tiên-sinh ở Hương-cảng đã tỏ lời cảm phục tiên-sinh. Còn Trương vĩnh Ký biết đến gần hai mươi thứ tiếng ngoại quốc : tiếng pháp, tiếng anh, tiếng nhật, tiếng ấn-độ, tiếng tây-ban nha, tiếng ý, tiếng bồ-đào-nha, cùng là tiếng mã-lai, tiếng xiêm, tiếng lào, tiếng miến-điện, tiếng cao-mên, tiếng tầu, tiếng chàm, chữ la-tinh, chữ hy-lạp, v. v.., và được liệt vào hàng thứ 17 trong số 18 nhà từ-ngữ-học danh tiếng nhất thế - giới, ở thế kỷ thứ 19.

Roland Dorgelès đã viết trong cuốn « Sur la route mandarine » mấy giòng này : « *Người Việt-Nam thông minh một cách lạ thường*, họ theo văn-minh thái tây cũng dễ dàng như nước Nhật vậy. Không hề tỏ ý lấy làm lạ, cự việc theo thôi. Đấy là sức mạnh của dân tộc mảnh khảnh này. Trong các trường học có lẫn người Pháp và người Nam, học sinh nam thường đỗ đầu học sinh pháp trong các kỳ thi. Những nghề nghiệp, những trò chơi ta dạy cho họ, không mấy chốc là họ lại giỏi hơn ta . . . » Clément Vantel, nhà văn trào phúng trứ danh, không dấu nổi sự ngạc nhiên trước những kết quả vẻ vang của sinh viên ta bên Pháp.

(Còn nữa)

VŨ-BỘI-LIÊU

TÂN THỜI ĐẠI

xuất bản xã

28, Boudonnet Saigon

Hai quyển sách mới của Kiều-thanh-Quế

1) Cuộc vận động cứu nước trong Việt-nam vong quốc sử

mỗi quyển 6 $ 00

2) Vũ-trọng-Phụng

và chủ nghĩa tả thiệt xã hội

mỗi quyển 6 $ 00

Không bán lãnh hóa giao-ngân. Mua tiền mặt trên 10 quyển được hỏa hồng 25 %

Thư từ và ngân phiếu gởi về địa chỉ trên cho ông :

KIỀU-THANH QUẾ

KỊCH DÀI BẰNG THƠ

Yêu-Ly

(hay là « Yêu-Ly nương sức gió »)

LƯU-QUANG-THUẬN

Số 2

Vợ Yêu Ly.

Tiếng đồn Tiên-dũng - lực
Chàng thư-sinh khôn sánh với côn-quang —
Nghe phu quân, dạ thiếp quá bàng-hoàng.

Yêu Ly.

Nàng chớ sợ, tuy là không tráng dũng
Nhưng trí sáng nên lòng ta chẳng nũng,
Tiêu khâu kia học bắt chước anh hùng,
Trong tính-tình dù quen thói hành-hung,
Nhưng lời nói cũng làm y xấu-hổ,
Lời ta sẵn, chưa cần chi nói rõ ;
Biết ta lâu, hà-tất phải lo nhiều.
Phu nhân vào, ta nằm đợi gã Tiêu,
Mong gã đến cho vàng thau biết lửa —

(Vợ con vào, Yêu-Ly nằm trên giường nhỏ gần cửa ngâm thơ).

Lớp IV

Yêu Ly — Tiêu khâu-Tố —

Tiêu Khâu Tố.

Sao quái lạ tên này không đóng cửa.
Và ung dung nằm đợi giữa đêm khuya !
Số nó hết rồi. (nhảy đến kề dao vào cổ Yêu Ly)
Ê Yêu Ly kia !

Yêu Ly

Ngươi cứ nói !

Tiêu Khâu Tố

Ta là Tiêu Khâu Tố.

Yêu Ly.

Đừng giới thiệu, Ly này đã biết rõ

Tiêu Khâu-Tố

Ngươi ba điều đang chết biết hay chưa ?

Yêu Ly.

Chưa.

Tiêu-Khâu-Tố

Nghe rồi chết cũng vừa
Điều thứ nhất : Ngươi là gan sỉ nhục
Tiêu-khâu Tố tại bàn ăn giữa lúc
Trăm mươi đồng khen Tố chẳng ai đương.
Điều thứ hai là ngươi dám khinh thường
Nằm ngỏ cửa trong giờ ta nộ-khí,
Vuốt râu cọp chẳng phòng thân một tí.
Điều thứ ba : ngươi đã thấy cơ nguy,
Dao Tiêu-khâu bên cổ đã đưa kề,
Không sợ hãi liệu bề mau trốn tránh.

Yêu-Ly.

Thương cho ngươi vốn ngàn cân sức mạnh
Mà lời sao thiển-cận, hỡi Tiêu-khâu !
Ta thức chờ là chẳng sợ ngươi đâu.
Ngươi nào biết có ba điều hèn nhát.

Tiêu-khâu Tố

Ai hèn-nhát ?

Yêu-Ly

Ngươi, Tiêu-khâu-Tố chứ còn ai nữa khác
Ba điều hèn ngươi có biết hay không ?

Tiêu-khâu Tố

Không !

Yêu-Ly

Ôi rồ dại vô cùng !
Điều thứ nhất : mang danh là vũ-dũng,

Chịu sỉ-nhục giữa đông vầy công-chúng.
Điều thứ hai : lẻn-lút tới nhà người,
Ôi quá hèn : trộm cướp khác chi người,
Đối dụng-võ lại nương mình trong tối !
Điều thứ ba : tay ta không khí-giới,
Mà cầm ta dao kề, người mới khua môi.
Ta tính-cờ mà chứng-kiến trò vui.
Cười cho đó chỉ tìm thêm sỉ-nhục.

(Yêu Ly cười, Tiêu-khâu-Tố rút dao lại dáng bực tức)

Ta dẫu chết không điều chi uất-ức ;
Ai ngại giùm người bảy thước thân trai.
Trời bốn phương đâu thiếu chốn trổ tài,
Nấp quanh xóm ra oai nhờ đêm vắng.
Cổng tay người từng giơ cao, định nặng.
Giết ta rồi sự-nghiệp vẻ-vang chăng ?
Dao anh-hùng không dành để ra uy
Giữa quân-mã, lại cam đi hành-thích ?
Sức người nếu quả trăm người không địch
Thì danh thơm sao không để cho đời ?
Áo võ-sinh người mặc, Tiêu-khâu ơi !
Nhục-nhã lắm. Ô hồ dao ngời sáng !
Dao bán-nhật, giết ta rồi đem bán
Thử nửa đồng ngoài chợ có ai mua.
Dao còn đó Tiêu-khâu người biết chưa ?

Tiêu-khâu Tố

(Sau một chốc im lặng).
Dao trên cổ cứ buông lời đồng-dạc,
Tiêu vũ-dũng hóa ra Tiêu hèn-nhát.
Đem câu làm xấu-hổ máu đương sôi.

(lui tới mấy bước nghiến răng)

Giết Yêu-Ly thì mang tiếng vớ vẩn,
Còn không giết, nhục làm sao rửa sạch ?
Khôn tới, khôn lui.. chỉ còn một cách :
Dao đâm mình, ở do dự làm chi.
— Sống an-hùng, bằng không thôi chết đi.

quay lại vái Yêu-Ly)

Mang ơn nặng, không tiếc lời nói phải.
Tiêu sắp chết. Xin nhớ giùm cô uyển lại
Với mai sau rằng gã Tô-tiêu-Khâu
Không phải phường vuốt mặt tham sanh đâu.

(đâm dao vào cổ chết)

HẠ MÀN

Hồi một

(Sau đó ít lâu vẫn cảnh trước nhưng ban ngày.
Mở màn : Yêu Ly ngồi xem sách trước án thư, vợ ngồi thêu ở sập phía trong).

I

Yêu-Ly — Vợ — Con.

Con Yêu Ly

(Từ ngoài chạy vào)
Phụ thân ơi ! Mẫu thân ơi !

Gươm giáo sáng ngời
Bại bay tung trời
Một đoàn người ngựa
Đã dừng chân trước cửa,

(thở hổn hển)

Vợ-Yêu-Ly

(Bỏ tấm thêu bước ra cửa nhìn)
Xuống ngựa rồi, họ vào ngõ nhà ta,
Trông áo mũi ắt quyền cao chức trọng

Yêu-Ly

(Vẫn cái trên sách)
Thời binh lửa, bốn phương gây giỏ sóng.
Người xưng vương xưng bá kẻ tranh hàng
Đoái thương chi đám Lê thứ khốn cùng
Nghìn đau xót giữa tơi bời mưa gió.

Vợ Yêu-Ly

Này quan khách đã vào thăm trước ngõ
Ngựa xe nhiều, không phải khách thường dân.
Người sắp vào xin phu tướng ra sân
Chào sán đón để làm vui dạ khách.

Yêu-Ly

Người thức trọng, ta thư sinh áo rách.
Vừa ng e nơi đà vồn vã sao nên.
Người đến thêm ta sẽ đứng ra nghênh
Phu nhân để mặc mình ta với khách.

(Vợ vào trong Yêu Ly ra cửa — Hạp-Lư Quân-sư) Võ tướng và hai tả hữu vào nhà :

Hai bên vái chào nhau).

(Còn nữa)

LƯU-QUANG-THẬT

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA : Do nghị định ngày 8 tháng mai năm 1941
Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng
Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chanceaulme, Hanoi